

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và công bố các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh và các công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam. Hệ thống chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam phải được xây dựng theo các nguyên tắc:

- Dựa trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế về kế toán, chuẩn mực quốc tế về kiểm toán do Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC) công bố;

- Phù hợp với điều kiện phát triển của nền kinh tế thị trường Việt Nam, phù hợp với hệ thống luật pháp, trình độ, kinh nghiệm kế toán, kiểm toán của Việt Nam;

- Chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam phải đơn giản, rõ ràng và tuân thủ các quy định về thể thức ban hành văn bản pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Ban chỉ đạo nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực kế toán Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1503/1998/QĐ-BTC ngày 30/10/1998 và Ban chỉ đạo nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 19/1999/QĐ-BTC ngày 12/2/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, khẩn trương thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch để đảm bảo việc ban hành và công bố các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam được hoàn tất vào năm 2003.

Điều 3. Vụ Chế độ kế toán là đơn vị thường trực của các Ban chỉ đạo và các Tổ soạn thảo chuẩn mực, có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc soạn thảo, tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh trình Bộ ký ban hành. Các đơn vị: Tổng cục Thuế, Vụ Ngân sách nhà nước, Vụ Chính sách tài chính, Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Đầu tư, Kho bạc nhà nước,

Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội và các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ có liên quan, có trách nhiệm cử cán bộ trực tiếp tham gia các Ban chỉ đạo và các Tổ soạn thảo; phối hợp, cung cấp số liệu, thông tin và tạo điều kiện để các Ban chỉ đạo, các Tổ soạn thảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Trưởng Ban chỉ đạo nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực kế toán, Trưởng Ban chỉ đạo nghiên cứu soạn thảo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 21/2000/TT-BTC ngày 16/3/2000 hướng dẫn xét duyệt, thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Để tăng cường hiệu quả quản lý tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính hướng

dẫn việc xét duyệt, thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là đơn vị dự toán) có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán năm về thu chi kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn ngoài ngân sách nhà nước theo quy định tại các văn bản của Nhà nước hiện hành và là đối tượng để kiểm tra, thẩm tra và thông báo quyết toán.

2. Đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm chủ trì kiểm tra xét duyệt quyết toán và thông báo quyết toán cho các đơn vị dự toán cấp dưới. Cơ quan tài chính các cấp (Bộ Tài chính đối với cơ quan trung ương, Sở Tài chính - Vật giá đối với các cơ quan thuộc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài chính đối với cơ quan thuộc cấp huyện, quận) có trách nhiệm thẩm tra quyết toán và thông báo quyết toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ, sổ kế toán và các tài liệu liên quan cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra quyết toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của số liệu báo cáo quyết toán.

4. Kho bạc nhà nước trực tiếp quản lý chi có trách nhiệm xác nhận toàn bộ số kinh phí của đơn vị dự toán đã được kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước.

5. Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý thu có trách nhiệm xác nhận số thuế của đơn vị dự toán nộp ngân sách nhà nước (nếu có).

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Trách nhiệm kiểm tra thẩm tra, thông báo quyết toán:

a) Đối với đơn vị dự toán cấp II:

Trong thời gian tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán năm của các đơn vị cấp dưới thuộc đơn vị mình, đơn vị dự toán cấp II có trách nhiệm chủ trì kiểm tra, xét duyệt và thông báo quyết toán cho đơn vị dự toán cấp III, tổng hợp quyết toán của các đơn vị cấp III cùng quyết toán chi tiêu của đơn vị mình để gửi đơn vị dự toán cấp I.

Sau 10 ngày nhận được thông báo quyết toán của đơn vị dự toán cấp II, nếu các đơn vị dự toán cấp III không có ý kiến thì coi như đã chấp nhận thi hành. Trường hợp đơn vị dự toán cấp III có ý kiến không thống nhất thì đơn vị dự toán cấp II lấy ý kiến của đơn vị dự toán cấp I để giải quyết.

b) Đối với đơn vị dự toán cấp I:

Sau 20 ngày nhận được báo cáo quyết toán năm của đơn vị cấp dưới, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm chủ trì kiểm tra, xét duyệt và thông báo quyết toán năm cho các đơn vị dự toán cấp II và các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc (nếu không có cấp II). Đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm tổng hợp báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp II, cấp III trực thuộc và quyết toán của đơn vị mình gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Sau 10 ngày nhận được thông báo quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên, nếu đơn vị dự toán cấp II và cấp III không có ý kiến thì coi như đã chấp nhận thi hành. Trường hợp chưa thống nhất thì đơn vị dự toán cấp I sẽ lấy ý kiến của cơ quan tài chính đồng cấp để giải quyết.

c) Đối với cơ quan tài chính:

Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính có trách nhiệm thẩm tra và thông báo quyết toán năm cho các đơn vị dự toán cấp I, trong thời gian tối đa 10 ngày (đối với cấp huyện), 20 ngày (đối với cấp tỉnh) và 30 ngày (đối với cấp trung ương) kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán.

Sau 10 ngày kể từ khi đơn vị dự toán cấp I nhận được thông báo quyết toán năm của cơ quan tài chính, nếu không có ý kiến thì coi như chấp nhận thi hành. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I có ý kiến không thống nhất đối với thông báo quyết toán của cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân đồng cấp (đối với đơn vị dự toán địa phương) hoặc trình Thủ tướng Chính phủ (đối với đơn vị dự toán trung ương) để xem xét quyết định. Trong khi chờ ý kiến quyết định của Ủy ban nhân dân hoặc Thủ tướng Chính phủ thì đơn vị thi hành theo thông báo của cơ quan tài chính.

2. Công tác thẩm tra quyết toán năm:

2.1. Thẩm tra quyết toán thu, chi năm.

2.1.1. Căn cứ kiểm tra:

- Căn cứ vào quyết định giao dự toán thu - chi năm, nội dung chi được giao, thông báo chi theo Mục lục ngân sách của cơ quan dự toán cấp trên và các quyết định điều chỉnh trong năm.

- Căn cứ vào thông báo quyết toán năm trước.

- Căn cứ vào thông báo quyết toán được duyệt của các đơn vị dự toán cấp II, cấp III đối với báo cáo tổng hợp quyết toán của cấp II, cấp I.

- Căn cứ vào chế độ kế toán áp dụng đối với đơn vị hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 999/TC/QĐ-CDKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 184/1998/TT-BTC ngày 28/12/1998 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ vào các chế độ thu, chi của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Căn cứ vào bảng đối chiếu hạn mức kinh phí giữa đơn vị với Kho bạc nhà nước để đối chiếu kiểm tra nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

- Căn cứ vào chứng từ thu, chi phát sinh trong năm.

- Căn cứ vào giải trình cụ thể của đơn vị về các nguồn kinh phí, các nội dung và các khoản chi tiêu của đơn vị dự toán cấp dưới.

2.1.2. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra báo cáo quyết toán (các báo cáo, thuyết minh và biểu mẫu theo quy định).

- Kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ chi tiêu; kiểm tra số kinh phí đã sử dụng và đề nghị quyết toán.

- Kiểm tra đối với những khoản mua sắm tài sản cố định theo tiêu chuẩn chế độ và theo quy định về thủ tục mua sắm hiện hành.

- Kiểm tra các khoản tạm ứng cuối năm.

- Kiểm tra tồn quỹ tiền mặt: Chỉ cho phép chuyển năm sau những khoản được chi theo chế độ nhưng chưa chi như: tiền lương, phụ cấp, học bổng, các khoản trợ cấp...

- Kiểm tra việc hạch toán các tài khoản kế toán và lập sổ kế toán cũng như việc kiểm kê vật tư, tài sản, quỹ tiền mặt, công tác thanh toán công nợ...

- Đối với các khoản thu sự nghiệp (viện phí, học phí, các loại phí, lệ phí khác, các khoản thu từ dịch vụ, sản xuất...): Kiểm tra việc thu, sử dụng và hạch toán so với chế độ quy định.

2.2. Xét duyệt quyết toán kinh phí ngoại tệ:

Việc kiểm tra xét duyệt quyết toán chi ngoại tệ thực hiện theo điểm V của Quy chế cấp phát đối với một số nhiệm vụ chi bằng ngoại tệ của các đơn vị dự toán thuộc ngân sách Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 596-TC/TCĐN ngày 19/8/1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.3. Xét duyệt quyết toán vốn viện trợ:

Việc kiểm tra xét duyệt nguồn vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/1999/TT-BTC ngày 26 tháng 2 năm 1999 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại.

2.4. Xét duyệt quyết toán kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia:

- Đối với cơ quan trung ương:

Hàng năm, các cơ quan trung ương được sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia có trách nhiệm quyết toán kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia cùng với các khoản kinh phí khác trong dự toán chi ngân sách được giao.

Các cơ quan dự toán cấp trên và cơ quan tài chính đồng cấp xét duyệt quyết toán căn cứ vào dự toán chi của đơn vị được thông báo, các chế độ chi tiêu được quy định của từng Chương trình mục tiêu Quốc gia.

- Đối với cơ quan địa phương:

Hàng năm, các cơ quan địa phương được sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia có trách nhiệm quyết toán kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia trong báo cáo quyết toán chung của đơn vị theo quy định hiện hành để gửi cho đơn vị dự toán cấp trên và cơ quan tài chính đồng cấp.

Sở Tài chính - Vật giá phối hợp với sở chủ quản chuyên ngành xét duyệt quyết toán chi Chương trình mục tiêu Quốc gia gửi báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho cơ quan quản lý chương trình, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp.

Nếu nguồn kinh phí được cấp theo hình thức trợ cấp có mục tiêu, kinh phí quyết toán được tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách địa phương; đối với kinh phí ủy quyền Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí chương trình mục tiêu trên địa bàn để báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định tại điểm 2.5 Phần II sau đây.

2.5. Xét duyệt quyết toán kinh phí ủy quyền:

Cơ quan tài chính được ủy quyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp kiểm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền cho đơn vị sử dụng kinh phí ủy quyền. Sau khi kiểm tra, cơ quan tài chính được ủy quyền tiến hành lập biên bản kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí ủy quyền cho đơn vị sử dụng kinh phí ủy quyền và tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền gửi cho các cơ quan theo quy định.

Cơ quan tài chính ủy quyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp thẩm tra quyết toán kinh phí ủy quyền của cơ quan tài chính được ủy quyền và tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền theo từng nhiệm vụ chi trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn (đối với nhiệm vụ chi thuộc cấp tỉnh quản lý) hoặc trình Chính phủ để trình Quốc hội phê chuẩn (đối với nhiệm vụ chi thuộc trung ương quản lý).

3. Tổ chức kiểm tra xét duyệt:

- Các đơn vị dự toán cấp trên hoặc cơ quan tài chính các cấp cần kiểm tra các biểu mẫu, nội dung báo cáo quyết toán theo chế độ quy định khi lập kế hoạch kiểm tra hoặc thẩm tra quyết toán và thông báo thời gian và nội dung cho đơn vị được kiểm tra, thẩm tra chuẩn bị, đồng thời thông báo cho cơ quan tài chính đồng cấp biết (đối với đơn vị dự toán cấp trên) để có thể tham gia kiểm tra.

- Kết thúc việc kiểm tra báo cáo quyết toán đối với đơn vị dự toán cấp dưới hoặc thẩm tra báo cáo quyết toán tổng hợp đối với đơn vị dự toán cấp I, thì cơ quan dự toán cấp trên hoặc cơ quan tài chính tiến hành việc lập biên bản kiểm tra, thẩm tra số liệu quyết toán.

- Các ý kiến về kết quả kiểm tra, thẩm tra quyết toán cũng như các kiến nghị của đơn vị là đối tượng kiểm tra xét duyệt quyết toán phải được ghi trong biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán làm cơ sở để xem xét ra thông báo xét duyệt quyết toán.

- Trong biên bản kiểm tra và biên bản thẩm tra quyết toán cần giải thích rõ sự thay đổi giữa số liệu báo cáo của đơn vị với số kiểm tra, nêu biện pháp xử lý các khoản chi không đúng chế độ và không có trong dự toán được duyệt và các khoản kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau để làm căn cứ cho việc ra thông báo kết quả kiểm tra xét duyệt quyết toán.

- Trong quá trình kiểm tra và thẩm tra xét duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán, cơ quan dự toán cấp trên và cơ quan tài chính các cấp có quyền xuất toán, thu hồi hoặc quy trách nhiệm bồi thường vật chất các khoản chi không đúng chế độ,

không nằm trong dự toán được duyệt, đồng thời ra lệnh nộp ngay các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định. Các nội dung này cũng được ghi trong biên bản kiểm tra và thẩm tra quyết toán.

- Trường hợp đơn vị dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định chi trong thời gian chỉnh lý quyết toán (sau khi đã gửi báo cáo quyết toán theo quy định) thì đơn vị dự toán sẽ lập báo cáo quyết toán bổ sung để gửi và xét duyệt theo quy định của Thông tư này.

4. Thông báo quyết toán:

- Sau khi kiểm tra, xét duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán cấp dưới, cơ quan dự toán cấp I, II căn cứ vào kết quả kiểm tra xét duyệt quyết toán để ra thông báo xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp dưới.

- Sau khi kiểm tra, xét duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm tổng hợp quyết toán theo các mẫu biểu quy định tại Quyết định số 999-TC/QĐ/CDKT ngày 02/11/1996 và Biểu mẫu số 6 (kèm theo Thông tư) gửi cơ quan tài chính đồng cấp. Cơ quan tài chính đồng cấp có trách nhiệm thẩm tra, thông báo quyết toán cho đơn vị dự toán cấp I.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này áp dụng cho việc kiểm tra, thẩm tra và thông báo quyết toán từ năm 1999 đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

QUYẾT ĐỊNH số 41/2000/QĐ-BTC ngày 17/3/2000 về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Điều 14 Quyết định số 242/1999/

QĐ-TTg ngày 30/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2000;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 238/CP-KTTH ngày 10 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về việc tăng thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng khi không áp dụng biện pháp hạn chế nhập khẩu;

Sau khi tham khảo ý kiến tham gia của các Bộ, ngành có liên quan và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm mặt hàng quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 1803/1998/QĐ-BTC ngày 11/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và mức thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định số 29/1999/QĐ-BTC ngày 15/3/1999; Quyết định số 139/1999/QĐ-BTC ngày 11/11/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên và mức thuế suất mới quy định tại Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2000. Những quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG